TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST Ngày 28-7-2022 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Văn Hùng

ông Phạm Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Võ Thị P, sinh năm: 1994; HKTT: số 199, tổ M, ấp S, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: số 42/38 khu phố 6, phường T, TP. BH, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985; HKTT và cư trú: số 199, tổ M, ấp S, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(chị P và anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị không hòa giải, đơn xin vắng mặt, nguyên đơn là chị Võ Thị P trình bày:* sau thời gian tìm hiểu, chị và anh T đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn và được UBND xã S cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2017. Đây là hôn nhân đầu tiên của chị và là hôn nhân lần thứ hai của anh T, khi kết hôn với chị thì anh T đã ly hôn người vợ trước được một thời gian dài. Thời gian chung sống, giữa vợ chồng có những mâu thuẫn nên kể từ thời điểm chị mang thai đứa con thứ hai thì hai người không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Anh T không chịu đi làm, hay nhậu nhẹt và không có trách nhiệm với vợ con. Ngày 15/11/2020, chị về cha mẹ đẻ ở Bình Thuận sinh con và hai người ly thân từ đó đến nay. Thời gian mới sinh con, chị còn phát hiện anh T còn nhắn tin nói lời nhớ nhung với người yêu cũ. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn

nhân không hạnh phúc và vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu được ly hôn anh T.

Quá trình chung sống vợ chồng có 2 con chung là các cháu Nguyễn Võ Quỳnh N, sinh ngày: 01/01/2018 và Nguyễn Võ Thành Đ, sinh ngày: 30/11/2020. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

* Theo biên bản lấy lời khai, đơn xin vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị P về quá trình tiến tới hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa hai người. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp trong nhiều vấn đề nên chị P đã bỏ đi và vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay. Đối với các yêu cầu của chị P thì ý kiến anh như sau: đồng ý ly hôn, đồng ý giao con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng; vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: về quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật, quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật. Về áp dụng pháp luật: đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HN&GĐ) để giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị cho chị P và anh T ly hôn; giao hai con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét; chị P nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Võ Thị P có đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn và giao quyền nuôi con nên xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó chị P là nguyên đơn, anh T là bị đơn và có nơi đăng ký thường trú tại huyện CM nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện CM.

Nguyên đơn (chị Võ Thị P) và bị đơn (anh Nguyễn Văn T) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Thị P và anh Nguyễn Văn T đã đăng ký kết hôn và được UBND xã S cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 06/5/2017, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P nhận thấy: mặc dù anh T từ chối trình bày cụ thể về mâu thuẫn vợ chồng nhưng cả hai đều thống nhất đã ly thân và đều yêu

cầu được ly hôn. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị P được ly hôn anh với anh T là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về con chung: vợ chồng có hai con chung. Khi ly hôn vợ chồng thống nhất giao cả hai cháu Nguyễn Võ Quỳnh N, sinh ngày: 01/01/2018 và Nguyễn Võ Thành Đ, sinh ngày: 30/11/2020 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không yêu cầu và anh T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nên HĐXX quyết định giao cháu Quỳnh N và Thành Đ cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Võ Thị P phải nộp án phí theo quy định.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên: phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của BLTTDS; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GĐ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Võ Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: giao hai cháu Nguyễn Võ Quỳnh N, sinh ngày: 01/01/2018 và Nguyễn Võ Thành Đ, sinh ngày: 30/11/2020 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản; và khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: chị Võ Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị P đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001068 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM; chị P đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Hà Thế Nam